BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K26: K27; K28 HỆ ĐẠI HỌC
ĐÃ HOÀN THÀNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT HỆ ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHDT ngày.....tháng.....năm 2024

K26 - ĐẠI HỌC

TT	MSSV	SVS	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HP1	HP2	HP3	TB	XL	Nơi sinh	Ghi chú
1	2320713726	1 HT/K26ĐH	Đỗ Thị Quỳnh	Dung	19/05/1999	K26PSU-DLK	3.00	2.33	2.65	2.66	Khá	Đà Nẵng	
2	2321120511	2 HT/K26ĐH	Lê Dương	Hưng	23/04/1999	K26CMU-TPM	2.33	3.65	1.65	2.54	Khá	Quảng Nam	
3	26207142039	3 HT/K26ĐH	Phạm Ngọc	Châu	04/02/2002	K26DLK	3.00	3.00	2.65	2.88	Khá	Quảng Nam	
4	26217135224	4 HT/K26ĐH	Võ Đại	Hảo	05/03/2001	K26DLK	2.65	2.00	2.00	2.22	Trung Bình	Đà Nẵng	
5	25207103813	5 HT/K26ĐH	Hứa Minh	Trang	15/11/2001	K26DLK	3.33	4.00	3.65	3.66	Xuất Sắc	Quảng Nam	
6	25207100939	6 HT/K26ĐH	Nguyễn Thị Tú	Oanh	17/01/2001	K26DLK	2.65	2.00	1.65	2.10	Trung Bình	Đà Nẵng	
7	26213723196	7 HT/K26ĐH	Đỗ Nguyên	Vũ	15/10/2001	K26DSG	3.33	2.33	2.65	2.77	Khá	Đắk Lắk	
8	26211739150	8 HT/K26ĐH	Phạm Tiến	Nam	01/11/2002	K26EDT	3.65	4.00	2.00	3.22	Giỏi	Kon Tum	
9	26211630025	9 HT/K26ĐH	Nguyễn Phước Anh	Quang	01/01/2002	K26EVT	3.33	3.65	2.33	3.10	Khá	Thừa Thiên Huế	
10	25203116501	10 HT/K26ĐH	Bùi Quỳnh	Nguyên	21/10/2001	K26NAB	3.00	3.33	2.00	2.78	Khá	Quảng Nam	
11	26203342686	11 HT/K26ĐH	Trần Lê Lan	Anh	30/03/2001	K26NTQ	1.65	4.00	4.00	3.22	Giỏi	Hà Tĩnh	
12	26211235467	12 HT/K26ĐH	Huỳnh Kim	Nhã	01/05/2002	K26CMU-TPM	2.65	1.65	2.65	2.32	Trung Bình	Đà Nẵng	
13	26211220570	13 HT/K26ĐH	Lê Văn	Tiến	25/03/2002	K26CMU-TPM	3.65	4.00	1.65	3.10	Khá	Quảng Bình	
14	26211235867	14 HT/K26ĐH	Phan Gia	Thịnh	16/06/2002	K26QTH	1.65	3.00	1.65	2.10	Trung Bình	Đà Nẵng	
15	25211208311	15 HT/K26ĐH	Trần Ngọc	Hào	19/08/2001	K26QTM	2.65	3.65	4.00	3.43	Giỏi	Đà Nẵng	
16	25205107780	16 HT/K26ĐH	Trần Kim	Khánh	15/03/2001	K26YDD	4.00	3.65	2.65	3.43	Giỏi	Đà Nẵng	
17	26211230758	17 HT/K26ĐH	Văn Công Vũ Duy	An	03/03/2002	K26TPM	3.00	1.65	2.33	2.33	Trung Bình	Quảng Nam	
18	26214336612	18 HT/K26ĐH	Phạm Trung	Thức	02/10/2002	K26ADH	2.65	3.65	3.33	3.21	Giỏi	Đà Nẵng	
19	26207121276	19 HT/K26ĐH	Giang Thanh Phi	Anh	12/02/2002	K26DLL	3.33	1.65	3.65	2.88	Khá	Đà Nẵng	
20	26217226708	20 HT/K26ĐH	Mai Xuân	Mỹ	13/03/2002	K26DLL	2.00	1.65	4.00	2.55	Khá	Đà Nẵng	
21	26212120792	21 HT/K26ĐH	Phạm Khắc	Đông	18/05/2002	K26QTH	3.00	1.00	2.65	2.22	Trung Bình	Gia Lai	
22	26202234642	22 HT/K26ĐH	Tạ Trần Mai	Khanh	23/06/2002	K26HP-QTM	2.33	3.00	2.65	2.66	Khá	Đà Nẵng	
23	26211332143	23 HT/K26ĐH	Lê Trần Thanh	Tài	01/04/2002	K26CKO	3.65	1.65	3.65	2.98	Khá	Đà Nẵng	
24	26214330677	24 HT/K26ĐH	Đỗ Phương	Ân	23/02/2002	K26VJ-ADH	2.00	3.00	2.65	2.55	Khá	Đà Nẵng	
25	26204321341	25 HT/K26ĐH	Nguyễn Hoàng	Cúc	06/10/2000	K26VJ-ADH	3.00	3.00	3.65	3.22	Giỏi	Đắk Lắk	
26	26204326463	26 HT/K26ĐH	Lê Huyền	Trang	01/01/2002	K26VJ-ADH	4.00	3.33	3.65	3.66	Xuất Sắc	Đắk Lắk	